

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Diệp Minh T, cư trú: đường N, khóm C, phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn Ngọc N, cư trú: ấp G, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N chung sống và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bình Định ngày 31/12/2003. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế, nuôi dạy con cái và ông Diệp Minh T quá có hiếu với gia đình nên giữa vợ chồng xảy ra cự cãi. Ông bà đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, ông bà không có gửi đơn yêu cầu địa phương hòa giải về tình trạng hôn nhân của ông bà. Nay ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà. Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà N đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N.

[2]. Về con chung: ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N trình bày, ông bà có 02 người con chung tên Diệp Chung M (giới tính: nam), sinh ngày 07/9/2004 và Diệp Chung M1 (giới tính: nam), sinh ngày 04/7/2008; hiện cháu M và cháu M1 đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng; Sau khi ly hôn, ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N thống nhất giao cháu Diệp Chung M và Diệp Chung M1 cho bà Nguyễn Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M và cháu M1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N thống nhất, hàng tháng ông Diệp Minh T đóng góp cho bà Nguyễn Ngọc N số tiền 1.000.000 đồng/1 cháu để cấp dưỡng nuôi cháu Diệp Chung M và cháu Diệp Chung M1 cho đến khi cháu M và cháu M1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018.

Xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con của ông bà phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Ông Diệp Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Diệp Chung M và Diệp Chung M1 mà không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N trình bày, ông bà có 02 người con chung tên Diệp Chung M (giới tính: nam), sinh ngày 07/9/2004 và Diệp Chung M1 (giới tính: nam), sinh ngày 04/7/2008; hiện cháu M và cháu M1 đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng; Sau khi ly hôn, ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N thống nhất giao cháu Diệp Chung M và Diệp Chung M1 cho bà Nguyễn Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M và cháu M1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N thống nhất, hàng tháng ông Diệp Minh T đóng góp cho bà Nguyễn Ngọc N số tiền 1.000.000 đồng/1 cháu để cấp dưỡng nuôi cháu Diệp Chung M và cháu Diệp Chung M1 cho đến khi cháu M và cháu M1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018.

Ông Diệp Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Diệp Chung M và Diệp Chung M1 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Diệp Minh T và bà Nguyễn Ngọc N mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông T và bà N đã nộp theo biên lai thu số 0004682 và 0004683 cùng ngày 19/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- VKSND TPS;
- Chi cục THADS TPS;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thúy Uyên**